

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Lực.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đắc Cường;

Ông Phan Trí Dũng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 17/2024/TLPT-LĐ ngày 23/10/2024 về việc “*tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền bảo hiểm xã hội*”; do Bản án lao động sơ thẩm số 79/2024/LĐ-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2024/QĐ-PT ngày 12/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐ-PT ngày 28/12/2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Hoàng Thanh T, sinh năm 1979; nơi thường trú: Số B, tổ E, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

***Người đại diện hợp pháp:*** Ông Vũ Ngọc H, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà T, ông H có mặt.

***- Bị đơn:*** Công ty TNHH F; địa chỉ: Thửa đất số 74, 14, tờ bản đồ số DC 10.3 và DC 11.1, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

***Người đại diện hợp pháp:*** Ông Vũ Mạnh T1, sinh năm 1975; địa chỉ: Số E, Đại lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương – là đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 18/10/2023), có mặt.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*** Bà Châu Thị N, Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Thanh T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Thanh T trình bày:*

Bà T vào làm việc tại Công ty TNHH F (sau đây tắt là Công ty F hoặc Công ty) từ ngày 08/3/2016. Sau khi thử việc 02 tháng, Công ty ký một lần hợp đồng lao động thời hạn 12 tháng, sau đó ký hợp đồng lao động 36 tháng và cuối cùng là ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Công việc là nhân viên phát triển mẫu, tiền lương thực lĩnh hàng tháng là 24.550.000 đồng. Trong quá trình làm việc, bà T luôn hoàn thành tốt công việc nhưng đến ngày 07/7/2023, Công ty tổ chức cuộc họp về việc chấm dứt hợp đồng lao động với lý do Công ty đang khó khăn về kinh tế, trong đó có tên bà T. Công ty có yêu cầu bà T ký vào bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động nhưng bà T không ký. Sau đó, Công ty thông báo bà T không được làm việc từ ngày 07/7/2023. Bà T cho rằng Công ty F đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên khởi kiện với các yêu cầu như sau:

- Yêu cầu nhận bà T trở lại làm việc;

- Bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc tạm tính từ ngày 07/7/2023 đến ngày 07/5/2024 là 10 tháng x 24.550.000 đồng = 245.500.000 đồng;

- Bồi thường hai tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là: 49.100.000 đồng;

- Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian không được làm việc tạm tính 10 tháng: 24.550.000 đồng x 21,5% x 10 tháng = 52.782.500 đồng.

Tổng cộng: 294.600.000 đồng.

\* *Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 15 tháng 01 năm 2024, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Vũ Mạnh T1 trình bày:*

Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về thời gian làm việc, thời gian ký kết hợp đồng, mức lương, công việc. Do số lượng đơn hàng giảm mạnh, ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động cũng như tài chính của doanh nghiệp, mặc dù Ban lãnh đạo Công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn không thể phục hồi sản xuất. Vì vậy, Công ty F buộc phải thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động.

Ngày 29/6/2023, Công ty F tiến hành đối thoại tại nơi làm việc, nội dung đối thoại về việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động tại Công ty. Toàn bộ nội dung đối thoại được ghi chép theo “Biên bản đối thoại tại nơi làm việc”.

Ngày 03/7/2023, Công ty tiến hành cuộc họp giữa đại diện người sử dụng lao động và đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở về việc lấy ý kiến chấm dứt hợp đồng lao động với nhiều người lao động theo phương án sử dụng lao động.

Ngày 26/7/2023, Công ty F gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B công văn số 001/0723CV về việc gửi phương án sử dụng lao động (gửi kèm theo công văn là phương án sử dụng lao động được lập ngày 07/07/2023).

Ngày 01/8/2023, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B ban hành Công văn số 6268/SLĐTBXH-CSLĐ về việc hướng dẫn thực hiện pháp luật lao động.

Ngày 14/8/2023, Công ty F gửi Ủy ban nhân dân tỉnh B Công văn số 001/0823CV thông báo về việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động tại công ty.

Ngày 21/8/2023, UBND tỉnh B ban hành công văn hướng dẫn số 4325/UBND-VX. Ngày 11/9/2023, Công ty F gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B hồ sơ thanh toán chế độ đối với người lao động chấm dứt hợp đồng lao động bao gồm: Bảng kế hoạch thanh toán các khoản trợ cấp cho người lao động chấm dứt hợp đồng lao động được lập ngày 05/9/2023 (theo đó công ty C làm 03 đợt thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng); Bản xác nhận đã thanh toán số tiền trợ cấp đợt 01 ngày 28/7/2023; Bản xác nhận đã thanh toán số tiền trợ cấp đợt 02 ngày 18/8/2023; Bản xác nhận đã thanh toán số tiền trợ cấp đợt 03 ngày 05/9/2023. Công ty có thư mời mời bà T đến Công ty nhận quyết định thôi việc và giải quyết các chế độ cho người lao động nhưng bà T không lên. Ngày 16/9/2023 Công ty F đã cho bà Nguyễn Hoàng Thanh T thôi việc theo Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 001/09/23 QĐTV-FVN. Công ty đã thanh toán tiền lương cho bà T đến ngày 16/9/2023. Do đó, Công ty F không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 16/01/2024, bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn bà T hoàn trả lại số tiền 11.172.000 đồng do bị đơn nộp các khoản bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp.

Bị đơn đồng ý thanh toán tiền trợ cấp mất việc làm:  $24.550.000 \times 2 \text{ tháng} = 49.100.000$  đồng.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:* Tháng 5/2021, Công ty thực hiện truy đóng tiền lương tham gia BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động- bệnh nghề nghiệp từ tháng 4/2016 đến tháng 12/2017 cho bà Nguyễn Hoàng Thanh T sinh ngày 01/12/1979, căn cước công dân số 07517901419, mã số BHXH 9102016858, cụ thể từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2017 tỷ lệ người lao động đóng là 10,5% với số tiền 11.172.000 đồng, tỷ lệ người sử dụng lao động đóng là 22.0% từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2017 với số tiền 15.752.000 và 21.5% từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2017 với số tiền 7.482.000 đồng. Như vậy, số tiền người sử dụng lao động đóng là 23.234.000 đồng và người lao động phải đóng là 11.172.000 đồng. Bảo hiểm xã hội thành phố T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

\* Bà T không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu bà T hoàn trả tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động- bệnh nghề nghiệp số tiền 11.172.000 đồng. Bởi vì, hàng tháng trong khoảng thời gian bà T còn làm việc Công ty vẫn trừ lương của bà và trong suốt thời gian bà còn làm việc tại Công ty thì Công ty không thông báo truy đóng các khoản bảo hiểm nói trên.

**Tại Bản án lao động sơ thẩm số 79/2024/LĐ-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc bồi thường 02 tháng trợ cấp mất việc làm cho bà Nguyễn Hoàng Thanh T số tiền 49.100.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH F.

Buộc bà Nguyễn Hoàng Thanh T phải trả lại cho Công ty TNHH F số tiền 11.172.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Thanh T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm và phải chịu 558.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH F số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001713 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

**Ngày 03/6/2024, nguyên đơn Nguyễn Hoàng Thanh T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.**

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Người đại diện của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Nguyên nhân dẫn đến việc Công ty phải ra “Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động” với bà Nguyễn Hoàng Thanh T cùng một số người lao động khác trong Công ty là do số lượng đơn hàng giảm mạnh, ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động sản xuất cũng như tài chính nên Công ty đã cho 27 người lao động thuộc diện phải chấm dứt hợp đồng lao động, nhưng vẫn trả đủ tiền lương (từ ngày 7/7/2023 – 16/9/2023). Ngoài ra, ngày 02/8/2023, Công ty đã gửi Thông báo số 007/07/23TB về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Hoàng

Thanh T, kể từ ngày 16/09/2023; sau đó Công ty có nhiều thông báo mời bà T đến Công ty tham dự họp về các vấn đề có liên quan đến hợp đồng lao động số 168-2019/HĐLĐ, nhưng bà T không đến. Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 001/09/23 QĐTV-FVN ngày 16/09/2023 của Công ty F đối với bà Nguyễn Hoàng Thanh T là có căn cứ và đúng theo các quy định của pháp luật về lao động. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 001/09/23 QĐTV-FVN ngày 16/09/2023 của Công ty F đối với bà Nguyễn Hoàng Thanh T là có căn cứ và đúng pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự, luật sư và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền bảo hiểm xã hội. Bị đơn có trụ sở tại thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn được thực hiện trong thời hạn luật định, nguyên đơn được miễn án phí nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về quan hệ lao động: Từ ngày 07/5/2019, bà T và Công ty F ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ lao động có tranh chấp không xác định thời hạn là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 của Bộ luật Lao động năm 2019. Xét việc Công ty cho bà T thôi việc vì lý do suy thoái kinh tế, giảm đơn hàng dẫn đến thay đổi cơ cấu bộ máy Công ty là có căn cứ vì theo các báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm tranh chấp, Công ty F có suy giảm lợi nhuận và có khó khăn về kinh tế.

[5] Về thủ tục: Ngày 29/6/2023, Công ty có tổ chức đối thoại về việc thay đổi cơ cấu, tổ chức lại lao động tại Công ty và lập biên bản đối thoại tại nơi làm việc. Ngày 26/7/2023, Công ty có công văn số 001/0723CV về việc gửi phương án sử dụng lao động đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B. Ngày

01/8/2023, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh B có công văn số 6268/SLĐTBXH-CSLĐ về việc hướng dẫn thực hiện pháp luật lao động. Ngày 14/8/2023, Công ty F có công văn số 001/0823CV về việc thông báo về việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động tại Công ty gửi UBND tỉnh B. Đến ngày 21/8/2023, UBND tỉnh có công văn số 4325/UBND-VX về việc rà soát, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động (F). Ngày 30/8/2023, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh B có công văn số 7282/SLĐTBXH-CSLĐ về việc rà soát, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động (công ty TNHH F). Đến ngày 16/9/2023, Công ty có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà T là đã bảo đảm thời hạn thông báo trước với cơ quan có thẩm quyền (30 ngày) theo quy định tại khoản 6 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2019.

[6] Do bà T ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn nên khi chấm dứt hợp đồng lao động, từ ngày 07/7/2023 Công ty đã thông báo cho bà T thôi việc (thực tế chính thức cho thôi việc vào ngày 16/9/2023) là đã bảo đảm thời hạn báo trước trước 45 ngày theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Lao động. Trước khi cho bà T thôi việc, Công ty đã có công văn gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh B, biên bản họp về việc lấy ý kiến chấm dứt hợp đồng lao động với nhiều người lao động theo phương án sử dụng lao động ngày 03/7/2023 (bút lục 138) và có phương án sử dụng lao động (bút lục 133-135) phù hợp quy định tại Điều 44 của Bộ luật Lao động. Theo quy định của pháp luật, các thủ tục nêu trên không cần thiết phải có sự đồng thuận của người lao động mới có thể thực hiện được.

[7] Ngoài ra, mặc dù trong thời gian Công ty làm thủ tục cắt giảm lao động và bà T không đến Công ty làm việc, nhưng Công ty vẫn thanh toán tiền lương cho bà T đến ngày 16/9/2023 bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của bà T; chốt bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho bà T đến tháng 9 năm 2023. Người lao động có thể liên hệ cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu được nhận trợ cấp mất việc làm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đồng ý hỗ trợ 02 tháng trợ cấp mất việc làm cho bà T với số tiền 49.100.000 đồng là đã bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T.

Như vậy, Công ty F đã thực hiện đúng các thủ tục được quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2019 cho người lao động thôi việc vì lý do thay đổi cơ cấu và lý do kinh tế.

[8] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: theo Kết luận thanh tra của Bảo hiểm xã hội tỉnh B số 303/KL-BHXXH ngày 25/12/2020 về thanh tra chuyên ngành đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách BHXH, BHYT, BHTN tại Công ty TNHH F, trong đó đã xác định Công ty có đóng các khoản bảo hiểm cho bà T trong thời gian từ tháng 4/2016 cho đến tháng 12/2017, nhưng mức lương tham gia thấp hơn mức lương phải tham gia. Công ty đã phải truy đóng bảo hiểm trên tiền lương chênh lệch cho bà T theo đúng định của Luật Bảo hiểm xã hội là có lợi cho người lao động. Theo văn bản trả lời của Bảo hiểm xã hội

thành phố T thì tỷ lệ người lao động phải đóng khi tham gia bảo hiểm là 10,5%/tháng nên xác định số tiền người lao động phải truy đóng là 11.172.000 đồng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc bà T phải trả lại số tiền 11.172.000 đồng của các khoản truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp phần của người lao động là có căn cứ.

[9] Nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo là có căn cứ và hợp pháp nên không có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi của bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Nguyên đơn được miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 20, Điều 42 và Điều 44 Bộ luật Lao động năm 2019. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Thanh T. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 79/2024/LĐ-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Thanh T đối với bị đơn Công ty TNHH F về việc tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền bảo hiểm xã hội.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc bồi thường 02 tháng trợ cấp mất việc làm cho bà Nguyễn Hoàng Thanh T số tiền 49.100.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH F.

Buộc bà Nguyễn Hoàng Thanh T phải trả lại cho Công ty TNHH F số tiền 11.172.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Án phí lao động:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Thanh T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm.

- Bị đơn Công ty TNHH F không phải chịu án phí; trả lại cho Công ty TNHH F số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001713 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3.2. Án phí dân sự: bà Nguyễn Hoàng Thanh T phải chịu 558.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LD, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Lực**